

Nội dung Ba công khai

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO HÀ NỘI TRƯỜNG THPT TRUNG VĂN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên đơn vị

- Tên: Trường THPT Trung Văn
- Thành lập theo Quyết định số 2613/QĐ-UBND ngày 07/7/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Địa điểm: Phố Tố Hữu, phường Đại Mỗ, Hà Nội

1.2. Cơ cấu tổ chức

* Cơ cấu tổ chức trường THPT Trung Văn gồm:

- 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng.
- 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo điều lệ nhà trường).
- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam: là Chi bộ trực thuộc Quận ủy Nam Từ Liêm, gồm có 40 đảng viên và Chi ủy có 05 thành viên, gồm 01 bí thư, 01 phó bí thư, 03 chi ủy viên.
 - Tổ chức Công đoàn có 80 công đoàn viên với 06 tổ công đoàn trực thuộc. Ban chấp hành công đoàn cơ sở có 5 thành viên gồm 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch, 03 ủy viên.
 - Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 1142 đoàn viên, thanh niên với 37 chi đoàn.
 - Ban đại diện CMHS của trường gồm 05 thành viên và 36 chi hội lớp.
- * Thành lập 05 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng. Gồm có các tổ sau:
 - Tổ Toán-Tin-CNCN: gồm 13 GV môn Toán, 03 GV môn Tin học, 02 GV môn Công nghệ (CNCN)
 - Tổ Lý-Hóa-Sinh-CNNN: gồm 08 GV môn Vật lý, 06 GV Hóa học, 03 GV Sinh học, 01 GV thỉnh giảng môn Công nghệ (CNNN).
 - Tổ Văn: gồm 11 GV dạy môn Ngữ văn.
 - Tổ Sử-Địa-GDKT&PL-Mỹ thuật: gồm 04 GV dạy Lịch sử; 04 GV Địa lý, 02 GV GDKT&PL, 01 GV môn Mỹ thuật.
 - Tổ Ngoại ngữ-TD-GDQP: gồm 09 GV dạy môn tiếng Anh, 03 GV môn GDTC, 02 GV môn GDQP-AN.

- Tổ Văn phòng: gồm có 08 thành viên là các nhân viên hành chính.
- * Hệ thống lớp học: có 36 lớp, với 1410 học sinh. Trong đó:
 - + Khối 10 có 12 lớp với 476 học sinh.
 - + Khối 11 có 12 lớp với 469 học sinh.
 - + Khối 12 có 12 lớp với 458 học sinh.

1.3. Cơ sở vật chất

- Trường có khuôn viên riêng biệt và có tường rào khép kín; có cổng trường, biển trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổng diện tích mặt bằng khuôn viên nhà trường đang quản lý và sử dụng 12.435,8 m²; tính theo đầu học sinh đạt 8,82m²/học sinh.

- Trường có 19 phòng học cho học sinh (đã được lắp máy chiếu, hệ thống âm thanh); phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, đủ bàn ghế phù hợp với đối tượng học sinh; Tuy nhiên diện tích phòng học nhỏ hẹp.

- Có đủ các phòng làm việc của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, Văn phòng, phòng Y tế, phòng Hội đồng, phòng truyền thống... Thư viện đạt chuẩn

- Trường các phòng học bộ môn Lý, Hóa, Sinh, Ngoại ngữ, 02 phòng Tin học.

- Có 3 khu vệ sinh riêng: 01 cho GV và 02 cho học sinh.

- Hệ thống điện lưới chưa bảo đảm (chưa có Trạm biến áp riêng)... Ngoài ra, do thời gian xây dựng đã lâu nên các khối công trình đã xuống cấp, đặc biệt là hệ thống cửa các loại bị mối mọt trầm trọng, không đảm bảo về an toàn cho dạy và học. Hiện trường đã được HĐND Quận Nam Từ Liêm thông qua đề án xây dựng cải tạo nhà trường giai đoạn 2024-2025 để đáp ứng cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật của trường trung học bảo đảm mức tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu của trường trung học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhà trường có kế hoạch, lộ trình cụ thể để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất nhằm đạt các mức tiêu chuẩn cơ sở vật chất cao hơn.

- Nhà trường quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất của nhà trường, tránh lãng phí và có xây dựng quy chế bảo quản, dự dụng CSVC; định kỳ có kế hoạch cải tạo, nâng cấp CSVC theo quy định; không sử dụng những cơ sở vật chất đã hết niên hạn sử dụng, không bảo đảm an toàn khi chưa cải tạo, sửa chữa.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Hoàn thành BDTX hàng năm
			TS	ThS	DH	CD	TC	<TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	TB	Kém	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	81	0	34	42	0	1	4	64	8	0	20	61	0	0	71/72 (98,6%)
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	69		31	38	0	0	0	64	5	0	19	50	0	0	68/69 (98,5%)
1	Toán	12		7	5				12	1		6	6			
2	Lý	7		4	3				7			1	6			
3	Hóa	6		3	3				6			1	5			
4	Sinh	3		3	0				2	1		1	2			
5	GDCD	2		0	2				2			1	1			
6	GDQP	2		0	2				2				2			
7	Công nghệ	2		1	1				2	1		1	2			
8	Địa lý	3		1	2				3			1	2			
9	Lịch sử	4		1	3				4			1	3			
10	Ngữ văn	11		8	3				9	2		3	8			
11	Tiếng Anh	9		5	4				9			3	6			
12	Tin học	3		0	3				3				3			
13	Thể dục	4		1	3				4			2	2			
14	Mĩ thuật	1			1				1				1			
II	Cán bộ quản lý	3		3	0				0	3		1	2			3/3 (100%)
												33%	67%			
1	Hiệu trưởng	1		1	0				0	1		0	1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2	0				0	2		1	1			
III	Nhân viên	9		0	4		1	4				1	8			
1	Nhân viên văn thư	1			1								1			
2	Nhân viên kế toán	1			1								1			
3	Nhân viên thiết bị	1			1							1				
4	Nhân viên y tế	1					1						1			
5	Nhân viên thư viện	1			1								1			
6	Nhân viên khác	4						4					4			

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT: Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Diện tích khu đất xây dựng trường: 12.416,9 m²
- Điểm trường: 01
- Diện tích bình quân tối thiểu là: 8m²/1 học sinh.

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu thì diện tích bình quân tối thiểu của nhà trường đảm bảo cao hơn mức quy định bình quân tối thiểu là 0,66m²/1 học sinh.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ, khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu quy định:

- Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị gồm:

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng Hiệu trưởng	1	
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	2	
3	Văn phòng	1	
4	Phòng bảo vệ	1	
Tổng số		5	

- Khối phòng học tập:

Nội dung	Số lượng	Ghi chú
Số phòng học của học sinh	19	Phòng học kiên cố

- Khối phòng hỗ trợ học tập gồm 06 phòng bộ môn:

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Công nghệ	1	Phòng học kiên cố, Trang thiết bị đã cũ, diện tích phòng nhỏ chưa đạt chuẩn
2	Tin học	2	
3	Ngoại ngữ	1	
4	Vật lí	1	
5	Hóa học	1	

- Khối phụ trợ:

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng hội đồng sư phạm	1	Đủ CSVC, trang thiết bị phục vụ dạy và học
2	Phòng sinh hoạt chuyên môn	1	
3	Phòng y tế	1	
4	Thư viện	2	
5	Phòng truyền thống	1	
6	Phòng của các tổ chức đoàn thể	1	
7	Phòng thiết bị	1	
8	Phòng phô tô	1	
9	Phòng tài vụ	1	
10	Khu để xe học sinh	2	

11	Khu để xe giáo viên	1	
12	Khu vệ sinh học sinh	6	
13	Khu vệ sinh giáo viên	2	
14	Khu sân chơi, thể dục thể thao	1	
15	Khu sân chơi bãi tập	1	
16	Nhà thể chất	1	

- Hạ tầng kỹ thuật:

STT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Hệ thống cấp nước sạch	1	Hệ thống đang sử dụng bình thường
2	Hệ thống cấp điện	1	Hệ thống đang sử dụng bình thường
3	Hệ thống thông tin liên lạc	1	Hệ thống mạng Internet tự kéo đường dây từ ngã tư đường Lương Thế Vinh và Tố Hữu về nên không ổn định, chưa có wifi cho các phòng học
4	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	1	Còn một số bình chữa cháy, thang dây sử dụng được. Hệ thống chữa cháy đã xuống cấp nghiêm trọng, nhiều thiết bị không sử dụng được
5	Hệ thống thu gom rác thải	1	Bộ phận lao công thu dọn vệ sinh an toàn, sạch sẽ

Đối sánh với yêu cầu tối thiểu quy định:

Nhà trường còn thiếu: Phòng âm nhạc, Mỹ thuật, phòng đa chức năng, phòng sinh học, phòng khoa học xã hội, Nhà kho, phòng nghỉ giáo viên, phòng giáo viên, nhà bếp, kho bếp, nhà ăn.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

STT	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Số lượng	Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	10	1
2	Khối lớp 11	12	1
3	Khối lớp 12	12	1
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	360	-
5	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	59	22hs/bộ
6	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
7	Ti vi	4	0,16
8	Đài cassette	8	0,26
9	Đầu Video/đầu đĩa	6	0,19
10	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	22	1
11	Thiết bị khác...	1	0,03

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục; số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

STT	Tên SGK	Tên NXB SGK khối 10	Tên NXB SGK khối 11	Tên NXB SGK khối 12
1	Ngữ văn	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
2	Toán	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
3	Tiếng Anh	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
4	Lịch sử	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
5	Giáo dục thể chất	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
6	Giáo dục QP & an ninh	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
7	HĐTN và hướng nghiệp	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
8	Giáo dục địa phương			
9	Vật lý	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Cánh diều
10	Hóa học	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
11	Sinh học	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
12	Công nghệ (Công nghiệp)	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
13	Công nghệ (Nông nghiệp)	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
14	Tin học	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức
15	Địa lý	Cánh diều	Cánh diều	Cánh diều
16	Giáo dục kinh tế và PL	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức	Kết nối tri thức

VI. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục:

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Cấp THPT
- Mức độ đạt kiểm định: cấp độ 3
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 30 tháng 8 năm 2016 đến ngày 30 tháng 8 năm 2021

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: cấp THPT
- Mức độ đạt kiểm định: cấp độ 3
- Thời gian hiệu lực: từ ngày 30 tháng 8 năm 2016 đến ngày 30 tháng 8 năm 2021

3. Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm tiếp theo và hằng năm.

(Có kế hoạch riêng từng năm).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước
(Năm học 2023-2024)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp10	Lớp11	Lớp12
A	Kết quả tuyển sinh	468	97,5%		
	Tổng số học sinh theo từng khối	1409	468	459	482
	Số học sinh bình quân theo lớp	39,1	39	38,3	40,2
	Số học sinh học 2 buổi trên ngày	0	0	0	0
	Số lượng học sinh nam/nữ	743/666	254/214	246/213	243/239
	Số lượng học sinh là người dân tộc thiểu số	9	3	4	2
	Số lượng học sinh khuyết tật	7	6		1
	Số lượng học sinh chuyển đến	21	11	9	1
	Số lượng học sinh chuyển đi	12	7	5	
B	Thông kê kết quả đánh giá học sinh				
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm/rèn luyện				
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	97,5%	96,4%	97,6%	97,5%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	2,3%	2,99%	2,4%	2,3%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0,2%	0,64%	0%	0,2%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
II	Số học sinh chia theo học lực/học tập				
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	74,8%	65,8%	77,6%	80,9%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	24,7%	32,9%	22,4%	18,9%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0,5%	1,3%	0%	0,2%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0%	0%	0%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%
2	Học sinh xuất sắc (khối 10,11) (tỷ lệ so với tổng số)	4%	1,9%	6,1%	
3	Học sinh Giỏi (khối 10,11) (tỷ lệ so với tổng số)	67%	63%	71%	
4	Học sinh Giỏi (khối 12) (tỷ lệ so với tổng số)	80,5%			80,5%

5	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số HS khối 12)	19,3%			19,3%
C	Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp				482
1	Số học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp				15
2	Số học sinh trúng tuyển vào các trường đại học				425

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1) Tình hình tài chính của trường THPT Trung Văn

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

Trường THPT Trung Văn là đơn vị sự nghiệp có thu, nhà trường luôn thực hiện công khai các khoản thu chi tài chính theo quy định.

- Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp NHI 2024-2025; 13.221.000d/1 học sinh.; Tổng ngân sách cấp năm 2025:15.824.591.000 d.

- Nguồn thu học phí : 2.743.965.000 d

- Các khoản chi lương: Các khoản chi lương, phụ cấp làm đêm, chủ nhật...theo quy định của Nhà nước.

- Chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài, chi thu nhập tăng thêm, chi khen thưởng.....theo các văn bản hướng dẫn và Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

- Chi hợp đồng một số công việc thực hiện theo thoả thuận gồm: 4 hợp đồng lao động, 4 giáo viên thỉnh giảng.

- Mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý theo hệ số lương (mức cao nhất khoảng 21.2 triệu đồng; bình quân khoảng 13.2 triệu đồng và thấp nhất khoảng 5.3 triệu đồng/tháng);

- Mức chi thường xuyên: chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị theo khả năng tài chính của trường.

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học:

- Mức thu học phí và các khoản thu khác nhà trường thực hiện theo đúng quy định.

+ Nguồn thu học phí từ học sinh: 217.000đ/1hs/1 tháng (thu 9 tháng).

+ Nguồn thu nước uống từ học sinh: 15.000đ/1hs/1 tháng (thu 9 tháng)

- Các khoản thu hộ như BHYT, thu hoạt động của đoàn thanh niên theo các văn bản liên tịch giữa các ngành.

- Khoản thu BH thân thể theo tự nguyện của Phụ huynh.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp, miễn giảm học phí, học bổng đối với người học:

- Chi hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh được chế độ miễn, giảm đúng quy định theo ND 81/2021/ND –CP của Chính phủ.

- Chi hỗ trợ học phí cho học sinh theo đúng Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 6/12/2023.

4. Số dư trích lập các quỹ:

- Các quỹ trích lập trong năm gồm quỹ bổ sung thu nhập, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được thực hiện chi theo quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường và các hoạt động phát sinh trong năm, cụ thể trong năm 2024 các quỹ trích lập:

+ Quỹ phúc lợi: 320.000.000đ

+ Quỹ bổ sung thu nhập: 336.673.889 đ

+ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 220.000.000đ

5. Các nội dung công khai tài chính khác

Định kì nhà trường có các báo cáo quyết toán gửi phòng kế hoạch tài chính của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, thực hiện công khai đủ các nội dung theo quy định trên web: e3trungvan.edu.vn bao gồm: Công khai dự toán thu chi, công khai quyết toán tài chính, công khai tình hình thực hiện dự toán hàng quý, công khai quản lý và sử dụng tài sản công, công khai theo thông tư 36, công khai các khoản thu....

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Nhà trường đã bám sát các văn bản chỉ đạo của Ngành để triển khai kế hoạch hoạt động giáo dục nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

- Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ Đảng và Ban giám hiệu, nhà trường đã áp dụng nhiều giải pháp phù hợp, tăng cường áp dụng CNTT trong quản lý, lắp đặt hệ thống wifi, mạng LAN đến các phòng học, thiết kế lại giao diện website để cung cấp thông tin, văn bản chỉ đạo, kế hoạch công tác, cải tiến quản lý sổ liên lạc điện tử... để tăng thêm phương thức quản lý, chỉ đạo, phối hợp nâng cao hiệu quả giáo dục của nhà trường.

- Kế hoạch hoạt động của nhà trường được bàn cụ thể, công khai và thống nhất cùng thực hiện.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhiệt tình, tận tâm với công việc và luôn tương trợ, đoàn kết giúp đỡ nhau trong công tác cũng như trong cuộc sống.

- Các phong trào thi đua được áp dụng: Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đồng lòng hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào thi đua do Thành phố, Ngành và các tổ chức đoàn thể phát động. Ngoài ra để duy trì và nâng cao chất lượng dạy và học, nhà trường còn tổ chức các phong trào thi đua:

+ Hội giảng mừng các ngày lễ lớn.

+ Thi đua có nhiều hoa điểm tốt chào mừng các ngày lễ.

+ Thi đua thực hiện tốt nội quy học sinh.

+ Phong trào thi đua xây dựng trường theo tiêu chí "Kỷ luật nghiêm, chất lượng thật" được cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh hưởng ứng nhiệt tình.

+ Phong trào thi đua đổi mới phương pháp giảng dạy: 100% giáo viên áp dụng CNTT trong giảng dạy, mỗi giáo viên đều tìm tòi áp dụng nhiều biện pháp phù hợp với từng đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Kết quả xếp loại học tập, rèn luyện đều vượt chỉ tiêu đầu năm học.

- Thành tích đạt được:

+ Chi bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ Trường: Tập thể lao động Xuất sắc; Tổ Toán-Tin-CNCN, Ngoại ngữ-TD-

GDQP: Tập thể lao động Tiên tiến

+ Công đoàn: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ Đoàn TNCSHCM: Bằng khen của TW Đoàn TNCSHCM

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025



HIỆU TRƯỞNG
ThS. Nguyễn Thị Hồng